

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2025

"V/v tranh chấp Ly hôn, con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Lành và bà Nguyễn Thị Kim Thu

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Giáp - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên: Không tham gia.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân Khu vực 1 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 55/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/QĐ-HNGĐ ngày 25/8/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Quý Đ, sinh năm 1975

CCCD: 019075014192 ngày cấp: 21/6/2024

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội

Nơi ĐKKHKT: Xóm Đá Bay, xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện nay: Số 53A, đường Nguyễn Công Hoan, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên

(có mặt)

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1981

CMND: 0091002243; ngày cấp 25/10/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ: Xóm Đá B, xã B Y tỉnh Thái Nguyên

(Bà T vắng mặt đã đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên toà ông Lê Quý Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà Ngô Thị T kết hôn vào ngày 24/9/1998 và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Y, huyện Đ, tỉnh Thái N (nay là xã Bình Y), tỉnh Thái N trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống khiến vợ chồng xảy ra cãi vã, xích mích, không thể ở gần nhau được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2005, không ai còn quan tâm liên hệ gì với nhau nữa. Nay ông xác định mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Hoàng Huyền T, sinh ngày 07/7/1999. Cháu đã trưởng thành ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bà Ngô Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Đ kết hôn vào ngày 24/9/1998, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống do bà thường đi làm ăn xa, vắng nhà nên không chia sẻ tình cảm và quan tâm chăm sóc đến nhau được, vợ chồng sống ly thân đã lâu. Nay ông Đ đề nghị ly hôn bà T nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Hoàng Huyền T, sinh ngày 07/7/1999. Cháu đã trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng do bà T đi làm ăn xa đã có đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải và phiên tòa xét xử, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án ly hôn căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nguyên đơn ông Đ có nơi cư trú tại phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên, bị đơn bà T có nơi cư trú tại xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên tuy nhiên ông Đ, bà T đã có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Thái Nguyên giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thái Nguyên.

Tại phiên tòa bị đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quý Đ kết hôn với bà Ngô Thị T năm 1998 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Bình Y, huyện Định H, tỉnh Thái N (nay là xã B Y, tỉnh Thái Nguyên) trên cơ sở tự nguyện do đó được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống ông Đ xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng không ở được gần nhau và đã sống ly thân từ năm 2005 đến nay. Ông Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, từ lâu không ai quan tâm liên hệ gì đến nhau nữa nên ông đề nghị được ly hôn với bà T. Bị đơn bà T tại bản tự khai cũng xác định vợ chồng không sống cùng nhau đã lâu nên đồng ý ly hôn với ông Đ và xin vắng mặt tại các phiên hòa giải.

Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng không còn chung sống với nhau đã từ lâu, không còn ai quan tâm, liên hệ gì với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không còn mang lại hạnh phúc cho cả hai nên chấp nhận đơn ly hôn của ông Đ, cho ông được ly hôn với bà T như vậy là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Hoàng Huyền T, sinh ngày 7/07/1999. Con đã trưởng thành ông Đ, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí, quyền kháng cáo: Ông Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, 146, 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quý Đ, cho ông Đ được ly hôn bà Ngô Thị T.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Lê Hoàng Huyền T, sinh ngày 7/07/1999, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được chuyển từ tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0000197 ngày 15/07/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên

5. Quyền kháng cáo: Ông Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Khu vực 1- Thái Nguyên;
- Phòng THADS Khu vực 1- Thái Nguyên;
- UBND xã B Y, tỉnh T Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thanh Nhân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Bình;
- CC THADS huyện Phú Bình;
- UBND xã Nhã Lộng, h. Phú Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn